

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03/3/2021

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình - ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Trường Chinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Phạm Phước Tâm**

**Bà Hồ Thị Mai Hương**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **546/2020/TLST-HNGĐ** ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **19/2021/QĐXXST-DS** ngày 18 tháng 01 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị P** - sinh năm 1988 (vắng mặt),  
Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp TL, xã TL, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long;  
Hiện đang sinh sống tại ấp 3, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Thanh Đ** - sinh năm 1982 (vắng mặt),  
Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp TL, xã TL, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long;  
Hiện đang sinh sống tại ấp 3, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BM (nay là huyện BT), tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; đến năm 2019, anh Đ thường xuyên uống rượu và hay đánh chị vô cớ nên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng thêm trầm trọng, chị đã rời gia đình đi làm ăn xa một thời gian. Thời gian gần đây, chị trở về nhà sinh sống nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thanh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Tuyết T - sinh ngày 13/11/2006 và Phạm Thị Như Q - sinh ngày 14/10/2012, hiện đang sống chung với cả hai vợ chồng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn là anh Phạm Thanh Đ đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Đ.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh con chung tên Phạm Thị Như Q và Phạm Thị Tuyết T; Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn Phạm Thanh Đ hiện đang cư trú tại ấp 3, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị P và bị đơn anh Phạm Thanh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 118, quyển số 02 ngày 20/9/2006 do Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BM (nay là huyện BT), tỉnh Vĩnh Long đã có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Thanh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên chị P để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, chị P cho biết do mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được nên chị vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh Đ. Đối với bị đơn anh Phạm Thanh Đ, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh Đ không đến tham dự. Như vậy đã cho thấy anh Đ đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến nghĩa vụ của người chồng trong quan hệ hôn nhân với chị P.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh Đ có tồn tại mâu thuẫn, nếu chung sống với nhau thì cũng không hạnh phúc và không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị Nguyễn Thị P về việc ly hôn với anh Phạm Thanh Đ có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị P và anh Đ có hai con chung tên Phạm Thị Tuyết T - sinh ngày 13/11/2006 và Phạm Thị Như Q - sinh ngày 14/10/2012. Trong quá trình chung sống, chị P là người trực tiếp chăm sóc các con chung. Đồng thời, theo nguyện vọng của các con chung tại các bản tự khai ngày 18/12/2020 đều có nguyện vọng được sống với chị P trong trường hợp chị P và anh Đ ly hôn. Bởi lẽ đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị P: Giao các con chung Phạm Thị Tuyết T và Phạm Thị Như Q cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Chị P xác định không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; nguyên đơn chị Nguyễn Thị P phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Phạm Thanh Đ.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Thị Tuyết T - sinh ngày 13/11/2006 và Phạm Thị Như Q - sinh ngày 14/10/2012. Giao các con chung Phạm Thị Tuyết T và Phạm Thị Như Q cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phạm Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không có yêu cầu.

Anh Phạm Thanh Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị P phải chịu, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004384 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy chị Nguyễn Thị P đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Đương sự;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trương Trường Chinh**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Phước Tâm - Hồ Thị Mai Hương**

**Trương Trường Chinh**